

Bản án số 02/2018/HC-PT

Ngày 05-10-2018

V/v khiếu kiện: Hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn C.

Bà Lưu Hồ Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Đậu Thị Tuyết Hảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04, 05 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2018/TLPT-HC ngày 21 tháng 6 năm 2018 về Khiếu kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2018/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1964;

Bà Phan Thị H, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: xóm A, xã P, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Trung L1, sinh năm 1958.

Nơi ĐKKHKT: huyện T, thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà 85, tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: thôn Trầm Ân, xã Thắng Quân, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang: Ông Hà Minh Q – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Minh Q: Ông Triệu Hồng Q2 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang (Văn bản ủy quyền số

02/GUQ-CT ngày 06/3/2018).

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và nội dung bản án sơ thẩm, người khởi kiện, những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/3/2016, và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/01/2017, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trung L1 trình bày: Năm 1992, ông Trần Ngọc L mua toàn bộ diện tích đất ở và nhà ở của bà Nguyễn Thị M, thửa đất này rộng 7,5m đất bám mặt đường quốc lộ 37, vị trí thửa đất tại xóm A, xã P, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1993, ông Trần Ngọc L mua thêm của ông Bùi Xuân T 05 mét đất bám mặt đường quốc lộ 37, dài 34 mét tổng diện tích 170 m², có cùng địa chỉ nêu trên, cả hai thửa đất thuộc tờ bản đồ số 19 của Ủy ban nhân dân xã P, các thông số kỹ thuật như sau: 127/3854 TC và 129/724M. Vào khoảng năm 1998 ông L chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị M, sau đó bà M ủy quyền sử dụng đất cho em trai là ông Nguyễn Vũ C toàn bộ thửa đất 129/724M và một phần thửa đất số 127/3854TC, ông L để lại toàn bộ số đất thổ cư bám mặt đường quốc lộ 37. Trong đó có 479m² đất phía sau nhà ông L hiện nay đang bị ghép nhảm vào đất nhà ông Nguyễn Vũ C. Tổng cộng diện tích hiện nay ông L đang sử dụng khoảng hơn 700m² đất thổ cư. Khi ông L chuyển nhượng chỉ cắm mốc giới cho nhau mà không đo diện tích cụ thể.

Năm 2008, ông L làm nhà, ông C xây dựng bức tường bằng gạch đỏ phân chia ranh giới giữa nhà ông C và nhà ông L. Khi nhà nước thu hồi đất cho dự án khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang, nhưng các cán bộ tiến hành đo đạc thẩm định không chính xác về nguồn gốc hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông L và gia đình ông C. Đến tháng 12 năm 2014, Ủy ban nhân dân xã P thông báo cho vợ chồng ông L thu dọn tài sản trên đất mà vợ chồng ông L đã mua của bà M2, bàn giao lại đất cho khu du lịch suối khoáng ML, khi nghe thông báo như vậy gia đình ông L mới biết mảnh đất mua của bà M2 đã mang tên ông Nguyễn Vũ C trên bản đồ, do việc ghép nhảm nên vợ chồng ông L đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã P nhưng chưa được giải quyết.

Trong các ngày 27/01/2015 và ngày 18/3/2015 ông Trần Ngọc L đã gửi đơn khiếu nại hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS tới ông Hà Minh Q, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YS. Ngày 20/3/2015 ông Bế Văn L3 cán bộ Ủy ban nhân dân huyện YS chủ trì buổi làm việc tiếp công dân, nhưng khiếu nại của ông vẫn không được giải quyết đúng luật.

Vì vậy, ông L, bà H đề nghị Tòa án giải quyết: Xem xét xử lý hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS đã không giải quyết đơn khiếu nại của ông, bà theo đúng hiến pháp và pháp luật hiện hành.

Ngày 02/3/2016, ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Trung L1 nộp đơn đề nghị bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện với 03 nội dung như sau:

1. Yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký và ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

2. Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu trên.

3. Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường, khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

Ngày 02/01/2017, ông Trần Ngọc L và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Trung L1 nộp đơn đề nghị bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: Do ngày 02/12/2016 Ủy ban nhân dân huyện YS đã chỉ đạo lực L đông người trang bị phương tiện bất ngờ, vô cớ cưỡng chế, huỷ hoại tài sản của gia đình ông L, tổng thiệt hại gồm hàng rào giây thép gai, cột bê tông và gần 500 m² mía đã đến thời kỳ thu hoạch, trị giá khoảng 20.000.000đ.

1. Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

3. Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện YS, người đại diện theo uỷ quyền trình bày như sau: Ngày 20/3/2015, tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện YS ban tiếp công dân huyện YS đã trực tiếp tiếp công dân ông Trần Ngọc L, địa chỉ xóm A, xã P, huyện YS và ghi vào sổ tiếp công dân, ông Trần Ngọc L và vợ là bà Phan Thị H, địa chỉ xóm A, xã P, số thứ tự thứ 07, ban tiếp công dân đã thực hiện đầy đủ chức trách, không gây sách nhiễu, phiền hà trong việc tiếp công dân đối với ông Trần Ngọc L, sau khi xem xét nội dung đơn và trình bày của ông L xét thấy nội dung chủ yếu là đề nghị xem xét, chỉnh sửa lại việc ghép nhâm thửa đất giữa hai gia đình ông L và ông Nguyễn Vũ C, trong phạm vi đất thu hồi thuộc khu du lịch suối khoáng ML, xét về thời hiệu khởi kiện đã hết (Dự án thực hiện thu hồi và bồi thường đất năm 2009) việc trình bày của ông L nhiều mốc thời gian, nhận chuyển nhượng đất của nhiều người, năm 1992 mua đất của bà Nguyễn Thị M, năm 1993 mua thêm đất của ông Bùi Xuân T, năm 1998 chuyển nhượng đất cho bà Nguyễn Thị M, sau đó bà M lại uỷ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Vũ C, ban tiếp dân

của Ủy ban nhân dân huyện đã hướng dẫn cho ông Trần Ngọc L viết lại đơn đề nghị các cơ quan xem xét việc thu hồi, bồi thường đất tại khu tái định cư suối khoáng ML đối với diện tích đất 479 m², theo ông L đây là đất của gia đình, theo quy định tại điều 25 Luật tiếp công dân năm 2003. Ông Trần Ngọc L đã nhất trí ký sổ tiếp công dân những nội dung đã được hướng dẫn trong buổi tiếp, thực tế sau đó ông L không viết lại nội dung đơn mà tiếp tục gửi đơn cũ qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân huyện YS.

Sau khi nhận được đơn, Ủy ban nhân dân huyện YS chuyển đơn của ông Trần Ngọc L giao cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện là nơi thực hiện việc bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với các hộ thuộc diện bị thu hồi đất công trình khu tái định cư khu du lịch suối khoáng ML xem xét giải quyết và đã có công văn số 29/UBND-NC ngày 16/4/2015 báo tin cho ông Trần Ngọc L biết về việc thụ lý, giải quyết đơn của ông L.

Quá trình giải quyết đơn cụ thể:

Ngày 20/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện nhận được đơn khiếu nại hành vi hành chính sau khi xem xét nội dung đơn "Nhà nước thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư suối khoáng ML tại xã P, huyện YS đã thu hồi 479 m² đất của gia đình ông L vào phần diện tích đất thu hồi của gia đình ông Nguyễn Vũ C".

Sau khi xem xét nội dung đơn Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành văn bản số 29/UBND-TCD ngày 15/4/2015 về việc giải quyết đơn của ông Trần Ngọc L giao cho Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện kiểm tra, xác minh, giải quyết theo thẩm quyền và trả lời công dân theo quy định của pháp luật.

Sau khi được giao nhiệm vụ Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã kiểm tra hồ sơ làm việc với ông Trần Ngọc L và đã có báo cáo số 24/BC-GPMB ngày 07/8/2015 về việc giải quyết đơn thư của ông Trần Ngọc L báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện cụ thể:

Ngày 25/4/2015, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P và chủ đầu tư (Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML) làm việc với ông Trần Ngọc L, liên quan đến phần diện tích đất 479m² thu hồi để xây dựng khu tái định cư khu du lịch suối khoáng ML mà gia đình ông L nhận là đất của gia đình ông.

Để có căn cứ giải quyết vụ việc đúng quy định của pháp luật, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ban hành văn bản số 522/UBND-TNMT ngày 02/6/2015, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã P yêu cầu ông Trần Ngọc L cung cấp giấy tờ, chứng cứ, chứng minh nguồn gốc đất.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện tại văn bản số 522/UBND-TNMT ngày 02/6/2015, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành văn bản số 36/CV-UBND ngày 04/6/2015 về việc giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình khu tái định cư khu du lịch suối khoáng ML, yêu cầu hộ gia đình ông Trần Ngọc L cung

cấp chứng cứ, chứng minh nguồn gốc đất, đã thu hồi bồi thường cho hộ gia đình ông Nguyễn Vũ C mà ông L cho rằng là đất của gia đình ông L, tiếp đến ngày 24/6/2015, Ủy ban nhân dân xã P và Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML làm việc với gia đình ông Trần Ngọc L yêu cầu cung cấp giấy tờ, chứng cứ, chứng minh nguồn gốc đất nhưng gia đình ông L vẫn không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất diện tích 479m² là đất của gia đình nhà ông L.

Tại báo cáo số 24/BC-GPMB ngày 07/8/2015 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng về việc giải quyết đơn thư của ông Trần Ngọc L, gia đình ông L vẫn không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất diện tích 479m² là đất của gia đình nhà ông L. Khi nào gia đình ông L cung cấp đủ giấy tờ chứng minh được diện tích đất 479m² là của gia đình nhà ông thì Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ phối hợp với Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML và Ủy ban nhân dân xã P thực hiện giải quyết theo quy định.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện YS không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Trung L1.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, điều tra xác minh và đưa ra xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30; 31; 157; 158; 164; 173; 193; 194; 204; 206; 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H về việc đề nghị Tòa án xem xét, xử lý hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Vì không giải quyết đơn khiếu nại của ông L và bà H theo đúng hiến pháp và pháp luật hiện hành.

2. Đối với các yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký, ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

- Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu trên.

- Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường, khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

- Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS, của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Các yêu cầu nêu trên không thuộc đối tượng khởi kiện hành vi hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/5/2018, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện xác định kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét:

- Xử lý hành vi hành chính của UBND huyện YS, tỉnh Tuyên Quang vì đã không giải quyết đơn khiếu nại của ông L, bà H theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký, ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

- Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu tại bút lục số 15.

- Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường thửa đất trong đó có 479m². Khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L, bà H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

- Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS, của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện giữ nguyên các quan điểm đã trình bày như nội dung trong bản án sơ thẩm, không nhất trí với nội dung kháng cáo của người khởi kiện và xuất trình các tài liệu chứng cứ mới và trình bày như sau:

* Về các tài liệu mới gồm:

- Giấy xác nhận (bản phô tô không xuất trình được bản gốc) do ông Trần Ngọc L viết ngày 05/10/2009 gửi Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện YS được trưởng thôn 12 là Trần Xuân Th xác nhận ngày 07/10/2009 có nội dung “... *Vậy mảnh đất của bà M trong diện giải tỏa nên tôi trả lại phần đất tôi mượn của bà M để ông C đứng lên kiểm kê với Hội đồng bồi thường theo giấy ủy quyền của bà M. Tôi xin cam đoan xác nhận trên của tôi là đúng sự thật, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác nhận này*”.

- 02 quyền nhật ký thi công xây dựng công trình quyền số 01 của Chủ đầu tư: Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML, nhà thầu Công ty TNHH T1 thực hiện gói thầu San nền khu tái định cư thuộc Khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: theo bản đồ thiết kế san nền thể hiện diện tích đất

479m² thuộc các lô 83, 84, 85. Ngày 09/9/2009, 06/12/2009, 08/12/2009, 10/12/2009, 12/12/2009 công việc thi công đều là đắp đất nền độ chặt K85 qua các lô từ 72-88. Như vậy, việc thi công công trình khu tái định cư thuộc Khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang được thực hiện từ năm 2009, trong thời gian đó đã san ủi, đắp đất qua diện tích 479m² mà ông L, bà H cho rằng là của ông bà.

- 01 Biên bản làm việc hồi 14 giờ, ngày 20/3/2012 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã P, thành phần làm việc gồm có đồng chí Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Cán bộ chủ đầu tư, Chuyên viên, Cán bộ địa chính xã, Thư ký cùng chủ hộ gia đình ông Trần Ngọc L, nội dung buổi làm việc ...*theo hồ sơ mua bán chuyển nhượng của ông C và ông L nội dung mua bán chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, khi giải phóng mặt bằng nhà nước thu hồi đất phát sinh việc tranh chấp đất mua bán chuyển nhượng khi nhà nước đã thu hồi đã được cơ quan có quyết định đề nghị gia đình ông L và ông C thực hiện theo đúng quy định, chủ đầu tư đã chi trả tiền cho ông Nguyễn Vũ C và ông C đã có cam kết trả mặt bằng để chủ đầu tư thi công. Ngày 20/3/2012 chủ đầu tư tiến hành thi công diện tích đất do ông C đã bàn giao thì gia đình ông Trần Ngọc L (trú tại xóm A - P - YS -Tuyên Quang) rào phần đất của ông C bàn giao với thửa số 58 diện tích 479 m² theo bản đồ thu hồi của khu đất tái định cư khu du lịch suối khoáng ML và có ý kiến: đó là diện tích đất của gia đình và đề nghị chủ đầu tư dừng thi công lại. Ý kiến của gia đình: Diện tích đất 479 m² nêu trên của gia đình hiện đang sử dụng thuộc quyền quản lý của tôi nay nhà nước thu hồi hiện tôi chưa nhận được tiền đền bù nên tôi chưa cho thi công. Tôi không được chuyển quyền sử dụng phần đất này cho bà Nguyễn Thị M...*

- 01 Biên bản thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và cam kết giải phóng mặt bằng sau khi nhận tiền giữa Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML và đại diện chủ hộ nhận tiền bồi thường là ông Nguyễn Vũ C và 01 phiếu chi tiền ngày 18/01/2012 thể hiện ông C đã nhận 443.209.399 đồng. (số tiền này đã bao gồm tiền bồi thường diện tích đất 479m²).

Ủy ban nhân dân huyện YS cho rằng ông L, bà H đã biết về việc thu hồi đất và thi công công trình từ năm 2009, qua nhật ký thi công xây dựng công trình của Chủ đầu tư: Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML, nhà thầu Công ty TNHH T1 thực hiện gói thầu san nền khu tái định cư thuộc Khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: theo bản đồ thiết kế san nền thể hiện diện tích đất 479m² thuộc các lô 83, 84, 85. Ngày 09/9/2009, 06/12/2009, 08/12/2009, 10/12/2009, 12/12/2009 công việc thi công đều là đắp đất nền độ chặt K85 qua các lô từ 72-88, thực tế ông C đã nhận đủ số tiền bồi thường do thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư tại phiếu chi tiền ngày 18/01/2012 thể hiện ông C đã nhận 443.209.399 đồng. (số tiền này đã bao gồm tiền bồi thường diện tích đất 479m²) và tại buổi làm việc ngày 20/3/2012 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã P ông L, bà H biết bị thu hồi đất nhưng không được đền bù mà diện tích đất 479 m² đã được đền bù cho ông C nhưng ông, bà không có ý kiến gì mà đến ngày 17/01/2015 mới có đơn khiếu nại với nội dung việc ghép nhầm 479 m² đất của gia đình vào nhà ông C nên nhà ông L, bà H không được đền bù đến Ủy ban nhân dân huyện YS để xem xét nên thời hiệu khiếu nại của ông L, bà H đã hết theo quy định tại Điều 9

Luật Khiếu nại năm 2011. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện YS đã trả lại đơn cho ông L, bà H, không xem xét giải quyết. Sau khi trả lại đơn ông L, bà H tiếp tục gửi lại đơn cũ đến UBND huyện YS, UBND huyện YS đã có công văn số 29/UBND-TCD ngày 15/4/2015 về việc giải quyết đơn của ông Trần Ngọc L giao cho Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện kiểm tra, xác minh, giải quyết theo thẩm quyền và thực tế UBND đã trả lời bằng rất nhiều văn bản tới ông L, bà H theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của ông L, bà H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi không trả lời, giải quyết khiếu nại, UBND huyện YS thấy không có căn cứ, UBND huyện YS đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi người bị kiện xuất trình các tài liệu mới, người khởi kiện yêu cầu được giám định tài liệu là giấy xác nhận (bản phô tô) do ông Trần Ngọc L viết ngày 05/10/2009 gửi Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện YS được trưởng thôn 12 là Trần Xuân Th xác nhận ngày 07/10/2009. Đối với tài liệu này người bị kiện không xuất trình được bản gốc.

Ý kiến kiểm sát viên tham gia phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật quy định tại các Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 78, Điều 83, Điều 115 đến Điều 119, Điều 128, Điều 153, Điều 255, Điều 243 và Điều 253 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H về việc đề nghị Tòa án xem xét, xử lý hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Vì không giải quyết đơn khiếu nại của ông L và bà H theo đúng hiến pháp và pháp luật hiện hành là có căn cứ. Tại phiên tòa người bị kiện xuất trình các tài liệu mới, đề nghị HĐXX chấp nhận các tài liệu mới để xem xét giải quyết vụ án, đối với tài liệu mà người khởi kiện yêu cầu được giám định nhưng không có bản gốc thì không chấp nhận là nguồn chứng cứ, do vậy, không chấp nhận yêu cầu giám định tài liệu đó của người khởi kiện. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và đề nghị của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trung L1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí theo quy định tại Điều 30, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, ông L, bà H phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên và

những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Về việc kháng cáo của người khởi kiện, ngày 25/5/2018, ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang là hợp lệ, đúng thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện YS đã giải quyết xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, về đối tượng khởi kiện: Ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H khởi kiện hành vi không giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện YS. Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong vụ án này là Chủ tịch UBND huyện YS. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện YS xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là UBND huyện YS là chưa đúng. Cấp phúc thẩm xác định lại về đối tượng khởi kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YS. Nhưng việc xác định lại đối tượng khởi kiện không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án.

[2] **Về nội dung kháng cáo:** Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và yêu cầu xem xét:

- Xử lý hành vi hành chính của UBND huyện YS, tỉnh Tuyên Quang vì đã không giải quyết đơn khiếu nại của ông L, bà H theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký, ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

- Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu tại bút lục số 15.

- Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường thửa đất trong đó có 479m². Khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L, bà H.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

- Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS, của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện xuất trình các tài liệu mới gồm có: 01 Giấy xác nhận (bản phô tô) do ông Trần Ngọc L viết ngày 05/10/2009 gửi Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện YS được trưởng thôn 12 là Trần Xuân Th xác nhận ngày 07/10/2009; 02 quyển nhật ký thi công xây dựng công trình quyền

số 01 của Chủ đầu tư: Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML, nhà thầu Công ty TNHH T1 thực hiện gói thầu san nền khu tái định cư thuộc Khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang; 01 Biên bản thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và cam kết giải phóng mặt bằng sau khi nhận tiền giữa Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML và đại diện chủ hộ nhận tiền bồi thường là ông Nguyễn Vũ C và 01 phiếu chi tiền ngày 18/01/2012 thể hiện ông C đã nhận 443.209.399 đồng; 01 biên bản làm việc hồi 14 giờ, ngày 20/3/2012 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã ML, thành phần làm việc gồm có đồng chí Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Cán bộ chủ đầu tư, Chuyên viên, Cán bộ địa chỉ xã, Thư ký cùng chủ hộ gia đình ông Trần Ngọc L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm nhận định thời hiệu khiếu nại của ông L, bà H còn thời hiệu theo Luật Khiếu nại năm 2011 và Ủy ban nhân dân huyện YS đang giải quyết đơn khiếu nại của ông, bà là không đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011 nên HĐXX phúc thẩm nhận định lại.

Về các tài liệu người bị kiện xuất trình tại phiên tòa gồm 01 Giấy xác nhận (bản phô tô) do ông Trần Ngọc L viết ngày 05/10/2009 gửi Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện YS được trưởng thôn 12 là Trần Xuân Th xác nhận ngày 07/10/2009 nhưng người bị kiện không xuất trình được bản gốc nên HĐXX không công nhận là nguồn chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án và không chấp nhận yêu cầu giám định tài liệu này của người khởi kiện.

Về thời hiệu khiếu nại của ông L, bà H: HĐXX thấy căn cứ vào các tài liệu và lời trình bày của ông L vào năm 2009 gia đình ông bà đã biết được dự án sẽ thu hồi diện tích đất và gia đình ông, bà đã kê khai hoa màu trồng trên đất và diện tích đất đang sử dụng và trong quá trình thực hiện thu hồi đất gia đình ông, bà đã được cơ quan có thẩm quyền mời làm việc cụ thể tại Biên bản làm việc hồi 14 giờ, ngày 20/3/2012 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã P, thành phần làm việc gồm có đồng chí Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Cán bộ chủ đầu tư, Chuyên viên, Cán bộ địa chỉ xã, Thư ký cùng chủ hộ gia đình ông Trần Ngọc L, nội dung buổi làm việc ...*theo hồ sơ mua bán chuyển nhượng của ông C và ông L nội dung mua bán chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận, khi giải phóng mặt bằng nhà nước thu hồi đất phát sinh việc tranh chấp đất mua bán chuyển nhượng khi nhà nước thu hồi đã được cơ quan có quyết định đề nghị gia đình ông L và ông C thực hiện theo đúng quy định, chủ đầu tư đã chi trả tiền cho ông Nguyễn Vũ C và ông C đã có cam kết trả mặt bằng để chủ đầu tư thi công. Ngày 20/3/2012 chủ đầu tư tiến hành thi công diện tích đất do ông C đã bàn giao thì gia đình ông Trần Ngọc L (trú tại xóm A - P - YS - Tuyên Quang) rào phân đất của ông C bàn giao với thửa số 58 diện tích 479 m² theo bản đồ thu hồi của khu đất tái định cư khu du lịch suối khoáng ML và có ý kiến: đó là diện tích đất của gia đình và đề nghị chủ đầu tư dừng thi công lại.*

Ý kiến của gia đình: Diện tích đất 479 m² nêu trên của gia đình hiện đang sử dụng thuộc quyền quản lý của tôi nay nhà nước thu hồi hiện tôi chưa nhận được tiền đền bù nên tôi chưa cho thi công. Tôi không được chuyển quyền sử dụng phần

đất này cho bà Nguyễn Thị M...

Tại nhật ký thi công xây dựng công trình quyền số 01 của Chủ đầu tư: Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML, nhà thầu Công ty TNHH T1 thực hiện gói thầu San nền khu tái định cư thuộc Khu du lịch suối khoáng ML, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang thể hiện: theo bản đồ thiết kế san nền thể hiện diện tích đất 479m² thuộc các lô 83, 84, 85. Ngày 09/9/2009, 06/12/2009, 08/12/2009, 10/12/2009, 12/12/2009 công việc thi công đều là đắp đất nền độ chặt K85 qua các lô từ 72-88. Tại Biên bản làm việc về việc xử lý vi phạm san ủi mặt bằng trái phép khu tái định cư Hồi 15 giờ 15 phút ngày 22/5/2014 tại gia đình nhà ông Trần Ngọc L, xóm A xã P, đại diện UBND xã P, đại diện Ban quản lý khu du lịch suối khoáng ML, đại diện chủ hộ vi phạm ông Trần Ngọc L, đại diện người làm chứng là công dân thường trú tại xóm A, nội dung...*tiến hành kiểm tra mặt bằng khu đất tái định cư đã phát hiện thấy gia đình ông Trần Ngọc L... đã tự ý đem máy xúc cuốc đất, san lấp, làm thay đổi hiện trạng mặt bằng...phần diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Vũ C đã nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước... Và tại phiên tòa sơ thẩm ông L, ông Lộc đã trình bày gia đình ông L biết được việc ghép nhảm 479m² đất vào hộ gia đình ông C vào năm 2010 sau khi ông C đi họp, đi nhận tiền bồi thường về nói lại cho ông L được biết.*

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu nêu trên và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì ông L, bà H đã biết về việc thu hồi diện tích đất 479m² và biết được dự án từ năm 2009 và đã biết đến ngày 20/3/2012 Ban quản lý dự án đã chi trả tiền bồi thường diện tích đất thu hồi 479m² cho ông Nguyễn Vũ C theo ông, bà là UBND đã ghép nhảm diện tích 479m² đất vào đất hộ gia đình ông C nên gia đình ông, bà không được bồi thường. Tuy nhiên từ thời gian đó ông bà L, H không có ý kiến gì về việc thi công, bồi thường khi thu hồi đất và đến ngày 17/01/2015 mới có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện YS để xem xét.

Do đó, thời hiệu khiếu nại của ông L, bà H đã hết theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 “*Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại*”.

Mặt khác, khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về các khiếu nại không được giải quyết “*...Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng*”. Như vậy, UBND huyện YS không thụ lý đơn khiếu nại của ông L, bà H là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011 “*Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật này, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do*”. Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện YS không

thông báo bằng văn bản về việc không thụ lý và lý do không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại cho ông L, bà H là thiếu sót. Nhưng ông L, bà H đã được Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân huyện YS làm việc trực tiếp, giải thích vào ngày 20/3/2015 và sau khi UBND huyện YS trả lại đơn khiếu nại, ông L, bà H tiếp tục gửi đơn cũ qua đường bưu điện đến UBND huyện YS. UBND huyện YS khi nhận lại đơn của ông L, bà H vẫn xem xét giải quyết đề nghị của ông L, bà H như trình bày của đại diện ủy ban nhân dân tại phiên tòa. Nên xét thấy việc không ra thông báo bằng văn bản không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, bà H. Việc Ủy ban nhân dân huyện YS xác định thời hiệu khiếu nại của ông L, bà H đã hết là đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Đối với 06 yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký và ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu trên.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường, khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án.

Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS, của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy các yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên không liên quan đến nội dung khởi kiện hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của UBND huyện YS nên Tòa án nhân dân huyện YS không xem xét giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy việc kháng cáo của ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, xử lý hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS không giải quyết đơn khiếu nại của ông L, bà H là không có căn cứ pháp luật. Do đó bác toàn bộ đơn kháng cáo của bà ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện YS không áp dụng luật nội dung là thiếu sót nên cấp phúc thẩm sửa phần quyết định của bản án áp dụng luật nội dung là áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 18 và Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011 để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các điều của Luật Tổ tụng hành chính

không cần thiết như Điều 157; 158 và Điều 164 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không áp dụng trong bản án.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004658 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính. Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trần Ngọc L, bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Căn cứ vào các Điều 30; 31; 173; 193; 194; 204; 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 9; Điều 11; Điều 18 và Điều 27 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ các Điều 30; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H về việc đề nghị Tòa án xem xét, xử lý hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Vì không giải quyết đơn khiếu nại của ông L và bà H theo đúng hiến pháp và pháp luật hiện hành.

2. Đối với các yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký (L, Trần Ngọc L) trong đơn xin chuyển nhượng vườn và đất ở có chữ ký, ghi họ tên Trần Ngọc L và chữ ký ghi họ tên bà Nguyễn Thị M.

- Yêu cầu giám định xem xét tính hợp pháp, hay không hợp pháp đối với hình vẽ, số liệu và toàn bộ chữ viết trong văn bản nêu trên.

- Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đo đạc thẩm định tại hiện trường, khôi phục mốc giới, xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện YS bồi thường mọi thiệt hại đã gây ra cho gia đình nhà ông L.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện YS giữ nguyên hiện trường đợi bản án có hiệu lực pháp luật của toà án.

- Yêu cầu xem xét hành vi của Ủy ban nhân dân huyện YS, của ông Triệu Hồng Q2 để xử lý theo luật định.

Các yêu cầu nêu trên không thuộc đối tượng khởi kiện hành vi hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Ngọc L và bà Phan Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004658 ngày 04/6/2018 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh Tuyên Quang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 05/10/2018./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện YS;
- VKSND huyện YS;
- THADS huyện YS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hương